TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;
2. Ông Lê Bá Quyền.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Tổ 7, khu phố M, phường H, thị xã TU, tỉnh BD; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh G; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Đông Văn H, Tổ 4, khu phố H, phường Kh, thị xã TU, tỉnh BD; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng H1 quen biết nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã TU, tỉnh BD và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 09/10/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng cha mẹ của bà H tại địa chỉ: Tổ 7, khu phố M, phường H, thị xã TU, tỉnh BD. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên, không được bao lâu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H1 thường xuyên đi chơi khuya, tụ tập bạn bè uống rượu bia, không lo làm ăn, bà H nhiều lần khuyên nhũ nhưng không có kết quả. Do đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã, lớn tiếng với nhau. Khoảng tháng 12 năm 2020, ông H1 đã bỏ về sống với cha mẹ đẻ tại địa chỉ: Nhà trọ Đông Văn H, tổ 4, khu phố Khánh Hội, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, từ đó vợ chồng sống ly thân. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng H1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H1 không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Theo biên bản xác minh ngày 18/02/2022 tại Ủy ban nhân dân phường Kh, thị xã TU, tỉnh BD, được cung cấp thông tin như sau: Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1995; thường trú: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh G; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Đông Văn H, Tổ 4, khu phố H, phường Kh, thị xã TU, tỉnh BD. Cho đến nay địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng ông Nguyễn Trọng H1 và bà Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H1; về con chung: Không có; về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng H1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh và quá trình giải quyết vụ án xác định, ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1995; thường trú: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh G; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Đông Văn H, tổ 4, khu phố H, phường Kh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Trọng H1 được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng H1 chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã TU, tỉnh BD và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 09/10/2019. Theo quy định tại các điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông H1 không còn hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông H1 thường xuyên đi chơi khuya, tụ tập bạn bè uống rượu bia, không lo làm ăn, vợ

chồng thường xuyên cãi vã, lớn tiếng với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Hai bên đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H1 vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông H1 không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà H, trong quá trình tố tụng xác định hoàn toàn không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông H1. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của bà H và ông H1 đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H1 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Không có

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc "Ly hôn" với bị đơn ông Nguyễn Trọng H1 như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H1.

- *Về con chung:* Không có

- *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005531 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng H1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Lê